TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-12-2023
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Văn Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2023 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thương M, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số C T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, ngõ A, đường Đ, thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thương M ***trình bày:***

Chị và anh Trần Hữu N kết hôn vào ngày 07/12/2018, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh N làm nghề tự do, chị M làm nghề maketting. Cuộc sống vợ chồng sau khi cưới bình thường được khoảng 03 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau nên khoảng đầu năm 2020 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do tính cách hai người không hòa hợp, không quan tâm, chia sẽ những khó

khăn trong cuộc sống, thiếu tôn trọng nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lê Thị Thương M xin được ly hôn với anh Trần Hữu N.

Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Hữu N ***trình bày:***

Anh N thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Còn thời gian vợ chồng sống ly thân là từ năm 2021 cho đến nay. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên giải song không có kết quả. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh N cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ, chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã có bản tự khai, có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thương M với bị đơn anh Trần Hữu N; Về con: vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét; Về tài sản, nợ chung: chị Lê Thị Thương M, anh Trần Hữu N không yêu cầu nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị Thương M khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Hữu N nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn". Anh Trần Hữu N hiện trú tại: thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu N xin vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, căn cứ

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Hữu Nghĩa l đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Lê Thị Thương M nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin được ly hôn. Anh Trần Hữu N cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, sống không tôn trọng nhau, mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải song không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị M làm đơn xin ly hôn thì anh N đồng ý.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh N đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị Thương M với bị đơn anh Trần Hữu Nghĩa l có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N đều thừa nhận vợ chồng chưa có con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Lê Thị Thương M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; ***xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N chưa có con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thương M và anh Trần Hữu N không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thương M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001311 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị Lê Thị Thương M 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Hòa, thị xã Dĩ An, Bình Dương;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng